

DẤU ẤN VIỆT NAM TRONG TIẾN TRÌNH PHÁT TRIỂN ASEAN NHỮNG ĐÓNG GÓP VÀ NHỮNG BÀI HỌC CHO HỘI NHẬP

Trần Thị Thu Lương

Trong 10 năm qua, một Việt Nam hội nhập mạnh mẽ vào ASEAN, một Việt Nam có nhiều đóng góp quan trọng tạo nên sự trỗi dậy của một ASEAN mới trong bối cảnh thế giới phức tạp đầy biến động đã được thừa nhận và khẳng định. Tuy nhiên trước khi đạt được những thành tựu ấy, Việt Nam đã phải đi qua nhiều thập kỷ thăng trầm, sóng gió trong quan hệ với ASEAN. Trong suốt những thập kỷ ấy, mặc dù chưa phải là một thành viên của hiệp hội, nhưng Việt Nam vẫn có những tác động mạnh mẽ tới lịch sử phát triển của ASEAN.

Sẽ không thể hiểu được một cách sâu sắc Việt Nam trong ASEAN hôm nay và tương lai nếu không hiểu rõ Việt Nam với ASEAN hôm qua. Trên quan điểm đó, chúng tôi cho rằng việc phân tích những dấu ấn của Việt Nam trong tiến trình phát triển ASEAN không chỉ là việc ôn lại lịch sử mà còn để soi sáng nhận thức và rút ra những bài học quý cho tiến trình hội nhập của chúng ta trong hiện tại và tương lai.

1- Trước đại chiến thế giới lần thứ II, sự xâm lược và thống trị thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cũ đã nhấn chìm các quốc gia Đông Nam Á vào họa mất nước nô lệ và do vậy, ngọn cờ khởi nghĩa chống thực dân bùng cháy khắp Đông Nam Á từ lục địa đến hải đảo. Khát vọng được tự do độc lập, thoát khỏi ách thống trị thực dân là khát vọng cháy bỏng chung của các dân tộc ở Đông Nam Á. Xét trên bình diện khu vực cho đến khi Đại chiến thế giới lần thứ II kết thúc, nét lớn nhất của Đông Nam Á là phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc được triển khai nhanh nhất, mạnh nhất so với các khu vực khác trên thế giới.

Từ những ngày đầu ấy, những người Cộng sản Việt Nam là lực lượng đầu tiên coi Campuchia, Lào và các dân tộc thiểu số khác sinh sống trên bán đảo Đông dương là lực lượng đồng minh của mình.

Sau đó với Cách mạng tháng 8-1945 và sự ra đời của một nhà nước Dân chủ cộng hoà, Việt Nam đã trở thành ngọn cờ đầu của phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á. Việt Nam đã tiên phong trong ý tưởng hợp tác các nước Đông Nam Á chống lại chủ nghĩa thực dân. Tháng 9-1947 “*Liên minh Đông Nam Á*” do chủ tịch Hồ Chí Minh khởi xướng đã được thành lập. Đây là một liên minh hợp tác giữa người Thái Lan (trong phong trào Thái Lan tự do), người Lào (đang kháng chiến chống Pháp) và những người Cộng sản Việt Nam đang hoạt động trên đất Thái với tư cách là đại diện của nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. “*Liên minh Đông Nam Á*” đã xây dựng được mạng lưới các cơ sở hoạt động ở Thái Lan, Đông dương và Malaixia. Mặc dù liên minh này tồn tại không lâu, nhưng nó vẫn có một ý nghĩa quan trọng khi chứng tỏ rằng nguyện vọng liên kết sức mạnh để chống thực dân là nguyện vọng có thực, thiết tha tiềm ẩn của các dân

tộc trong khu vực và Việt Nam đã tỏ rõ được vị trí, vai trò tiên phong của mình trong xu thế liên kết đó.

2- Bắt đầu vào những năm 50 của thế kỷ 20 những thay đổi lớn lao trong so sánh lực lượng trên thế giới đã dẫn đến sự hình thành hai cực của một cuộc đối đầu.

Một bên với vai trò là người đứng đầu thế giới tư bản, Mỹ đã gấp rút xây dựng một hệ thống căn cứ quân sự được bố trí làm 3 phòng tuyến phối hợp, vừa để bao vây ngăn chặn và tìm cách bóp nghẹt các nước xã hội chủ nghĩa với phong trào đấu tranh vì độc lập dân chủ của các nước, vừa là phòng tuyến phòng thủ cho Mỹ, cho các thế lực đồng minh ở Đông Nam Á và Châu Á Thái Bình dương. Trong lúc đó Liên Xô cùng hệ thống XHCN không ngừng mở ra ảnh hưởng và sự giúp đỡ to lớn đối với cuộc đấu tranh chính nghĩa vì độc lập dân tộc của nhân dân Châu Á và Đông Nam Á. Cuộc đối đầu này được gọi là *Chiến tranh lạnh* và từ sau Đại chiến thế giới lần thứ II nó đã đè nặng lên các mối quan hệ quốc tế, đặc biệt là tình hình ở khu vực Đông Nam Á.

Đông Nam Á được Mỹ coi là đoạn then chốt của phòng tuyến ngăn chặn cộng sản từ Nhật Bản xuống phía Nam quanh bán đảo Ấn Độ. Mỹ cho rằng an ninh của 3 khu vực cơ bản của Châu Á là Nhật Bản, Ấn Độ và Úc phần lớn tùy thuộc vào việc Đông Nam Á khước từ cộng sản bởi nếu mất Đông Nam Á, 3 khu vực trên sẽ cô lập với nhau. Mặt khác, nếu mất Đông Nam Á, Mỹ sẽ hầu như mất sự kiểm soát vùng duyên hải Thái Bình Dương. Trong kế hoạch đó chiến trường ở Việt Nam được coi là con bài Domino chiến lược trong học thuyết Domino của Mỹ. Bức thông điệp của chính phủ Hoa Kỳ gửi cho chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tháng 6 năm 1964 ghi rõ “*Hoa Kỳ có lợi ích phải chống lại một thắng lợi của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ở miền Nam Việt Nam. Hoa kỳ quyết tâm không để Đông Nam Á rơi vào sự kiểm soát của Cộng sản thông qua các hoạt động lật đổ và Chiến tranh du kích*” (1).

Rõ ràng là âm mưu và hoạt động của đế quốc Mỹ ở Đông Nam Á, ở Việt Nam đã mang tính hệ thống chiến lược toàn cầu.

Như vậy là sau đại chiến II, do những biến đổi sâu sắc của tương quan lực lượng, do mưu toan của Mỹ và các thế lực đế quốc hòng đảo ngược tiến trình phát triển của phong trào vì hoà bình, chủ nghĩa xã hội và tiến bộ trên thế giới, do vị trí chiến lược của mình, Đông Nam Á, đặc biệt là Việt Nam trở thành “*đấu trường*” nóng bỏng của cuộc chiến tranh lạnh.

Cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam chống lại quân xâm lược Mỹ và thế lực phản động là cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước của Việt Nam, tiếp tục sự nghiệp gìn giữ độc lập dân tộc, toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam. Tuy nhiên trong bối cảnh chiến tranh lạnh đó không thể nói Việt Nam cũng như các quốc gia khác ở Đông Nam Á không bị xoáy hút nghiệt

ngã vào hai cực của sự đối đầu. Trên thực tế các quốc gia ở Đông Nam Á bị chia rẽ ở hai đầu chiến tuyến.

Tuy nhiên nguyện vọng liên kết để phát triển của các quốc gia Đông Nam Á vẫn âm thầm lan tỏa. Do đó vào cuối thập niên 50 đến 60 tại Đông Nam Á đã xuất hiện 3 phương án xây dựng tổ chức hợp tác khu vực. Phương án của Mailaixia và phương án của Philippin đều dự kiến thành lập Hiệp hội các nhà nước Đông Nam Á (Association of Southeast Asian States) hợp tác trong lĩnh vực kinh tế, xã hội văn hoá và hành chính, còn phương án của Thái Lan trừu tượng thiết lập sự hợp tác khu vực trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, giáo dục, nghệ thuật và kỹ thuật. Kết quả của quá trình vận động đó là sự thành lập các tổ chức Hiệp hội Đông Nam Á (ASA) 1961 và Maphilindo 1963 với mục tiêu liên kết để cùng phát triển. Sự ra đời và hoạt động của các tổ chức này cho thấy nhu cầu liên kết khu vực không còn chỉ là ý tưởng mà đã trở thành hiện thực. Tuy nhiên sự tan vỡ nhanh chóng của các tổ chức đó cũng cho thấy ý thức khu vực chưa đủ mạnh để tạo nên một liên kết bền vững. Hay nói khác đi, quyền lợi riêng rẽ của từng quốc gia vẫn còn được đặt cao hơn, lớn hơn nhu cầu liên kết trong một tổ chức khu vực. Tác nhân tạo nên tình thế khiến các quốc gia này vượt lên những điểm yếu đó để thành lập được một tổ chức liên kết bền vững hơn - hiệp hội ASEAN chính là những thay đổi của tình hình chính trị trong khu vực dưới tác động của cuộc chiến đấu chống quân xâm lược Mỹ của nhân dân Việt Nam và nhân dân Đông dương nửa sau thập niên 60.

Bắt đầu từ 1964, các lực lượng quân sự Mỹ đã được ồ ạt đưa vào miền Nam Việt Nam. *Chiến tranh đặc biệt* đã trở thành *chiến tranh cục bộ* với sự tham gia trực tiếp của các lực lượng quân sự Mỹ. Cùng với đó là các hoạt động xâm lược ngày càng trắng trợn của Mỹ ở miền Nam Việt Nam.

Hoa Kỳ còn leo thang chiến tranh ra miền Bắc, tiến hành bắn phá bằng không quân các cơ sở kinh tế quân sự ở miền Bắc Việt Nam hòng dùng sức mạnh tàn bạo của bom đạn bẻ gãy ý chí thống nhất đất nước của dân tộc Việt Nam. Tuy nhiên dã tâm đó bị chặn đứng bởi cuộc chiến đấu quật cường mưu trí và dũng cảm của nhân dân Việt Nam trong những cuộc đọ sức nảy lửa ở cả 2 chiến trường Nam, Bắc từ 1964 đến 1966.

Kết quả này đã đẩy Mỹ dần vào thế bị động sa lầy ở chiến trường Việt Nam và Đông dương. Tham vọng ngăn chặn ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội ở Đông Nam Á không thực hiện được, ngược lại phong trào đấu tranh thoát khỏi quỹ đạo của Mỹ đang ngày càng dâng cao ở các nước đồng minh thân cận Thái Lan và Philippin. Lợi dụng cơ hội đó, các đối thủ chính của Mỹ trên thế giới, trước hết là Liên Xô đã vượt lên và thiết lập được một thế cân bằng chiến lược với Mỹ trên phạm vi toàn cầu. Tình hình đó buộc Mỹ phải tính đến khả năng rút bỏ sự tham gia trực tiếp của quân đội Mỹ ở chiến trường Việt Nam và Đông dương. Cùng lúc đó Anh tuyên bố rút khỏi bán đảo Malacca.

Đứng trước khả năng Mỹ và Anh khó có thể thực thi được chiến lược của họ ở ĐNA và đang tìm cách rút chân ra khỏi sa lầy, các lực lượng cách mạng Đông Nam Á ngày càng lớn mạnh, ảnh hưởng chủ nghĩa xã hội đang tăng lên trong khu vực, các quốc gia Đông Nam Á bên ngoài chiến trường Đông dương thấy rõ tính cấp thiết phải tìm kiếm một sự hợp tác nhằm hỗ trợ nhau bảo vệ an ninh quốc gia trong thế giới bị phân cực sâu sắc của thời kỳ chiến tranh lạnh. *“Lợi ích của chúng ta gắn bó chặt chẽ với số phận toàn Đông Nam Á. chúng ta phải tự trông cậy vào mình mà chống lại những ảnh hưởng tiêu cực. Chúng ta có thể làm được điều đó nếu các nước Đông Nam Á hợp tác với nhau và trở nên hùng mạnh trong các vấn đề kinh tế để làm cơ sở cho sự phát triển trong những lĩnh vực khác”*(2) (phát biểu của ngoại trưởng Adam Mamik, Indonexia tháng 3 - 1967).

Kết quả là ngày 8-8-1967 với những nỗ lực của Thái Lan, Philippin, Malaixia và Indonexia, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) đã được tuyên bố thành lập tại Băng Cốc với mục đích tổ chức hợp tác trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội và văn hoá nhằm tăng cường sức mạnh của mỗi nước cũng như toàn hiệp hội để đối phó một cách hiệu quả với các mối đe dọa từ bên ngoài. Mặc dù nhấn mạnh tới mục tiêu hợp tác kinh tế và văn hoá như vậy nhưng động lực tiềm ẩn đằng sau của sự liên kết đó chính là mối lo ngại về an ninh của các quốc gia sáng lập ASEAN.

Rõ ràng là cuộc chiến đấu chống Mỹ của nhân dân Việt Nam đã tạo ra sự biến chuyển trong tình hình chính trị ở Đông Nam Á vào nửa sau thập niên 60 nên có thể xem đó là một nhân tố khách quan tác động đến sự ra đời của tổ chức ASEAN. Yếu tố này dù chìm khuất nhưng vẫn tác động sâu sắc tới những hoạt động tiếp đó của ASEAN do đó Việt Nam trở thành đối tượng quan trọng cho những hành xử của ASEAN 5 và ASEAN 6. Sự nghịch lý của hợp tác khu vực đã tồn tại ngay từ lúc mở đầu.

Nghịch lý là ở chỗ, trong bối cảnh chiến tranh lạnh khi cơn bão tham vọng đang muốn nhấn chìm cả Việt Nam, cả Đông Nam Á vào vòng xoáy của chiến tranh và lệ thuộc, khi lịch sử đã đặt lên vai Việt Nam gánh nặng nghiệt ngã của một chiến trường nóng với những hy sinh xương máu và những khổ đau chia cắt không thể diễn tả bằng lời, khi nhân dân Việt Nam quật cường trong cuộc đọ sức sinh tử với đế quốc Mỹ để bảo vệ không chỉ độc lập và toàn vẹn lãnh thổ của mình mà còn là để thực hiện sứ mệnh của người chiến sĩ đấu tranh vì hoà bình và tiến bộ của khu vực Đông Nam Á và của toàn nhân loại thì Việt Nam lại ở phía đối diện của một hiệp hội liên kết khu vực có mục tiêu thiết lập hoà bình khu vực và muốn gạt bỏ sự can thiệp từ bên ngoài.

Nếu Đông Nam Á đã bị biến thành “đấu trường” của các cường quốc thì vì sao những thành viên dũng cảm (Việt Nam và các quốc gia Đông dương) đang chiến đấu chống lại đã tâm đó của đế quốc Mỹ và thế lực phản động lại không thể trở thành thành viên của hiệp hội liên kết khu vực ngay từ khi nó được thành lập?. *Nghịch lý đó là một vấn đề của khu vực, nó phản ánh mâu thuẫn*

giữa phong trào giải phóng dân tộc với chủ nghĩa đế quốc đồng thời cũng phản ánh mâu thuẫn giữa 2 phe xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa trong phạm vi khu vực.

Chính vì vậy sau đó mặc dù cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân Việt Nam đã giành thắng lợi trọn vẹn vào mùa xuân 1975, giáng một đòn quyết định vào việc đẩy lùi sự can thiệp của các cường quốc nước ngoài đặc biệt là Mỹ ở khu vực Đông Nam Á, nhưng ASEAN vẫn chỉ là một tổ chức của một đầu chiến tranh lạnh. Nhịp cầu để Việt Nam và phần còn lại của Đông Nam Á đến với ASEAN vẫn còn nằm bên kia bờ vực.

3- Những hệ quả của chia rẽ vẫn tiếp tục tác động, cho đến giữa thập niên 80 một khu vực Đông Nam Á hoà bình, ổn định và phát triển vẫn chưa trở thành hiện thực. Những căng thẳng kéo dài xoay quanh những quan điểm về xung đột ở Campuchia của Việt Nam và các nước trong ASEAN đã khiến cho các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á không có điều kiện tập trung vào sự phát triển kinh tế và phải đối mặt với sự tụt hậu so với các “con rồng” Hàn Quốc, Đài Loan, Hồng Kông, v.v.. của khu vực Đông Bắc Á. Yêu cầu sớm chấm dứt tình trạng xung đột, thoát ra khỏi ảnh hưởng của chiến tranh lạnh để cùng nhau phát triển đất nước và khu vực trở nên cấp thiết với tất cả các quốc gia Đông Nam Á. Yêu cầu đó càng trở nên hiện thực hơn khi bước sang thập kỷ 90, chiến tranh lạnh tan rã trên quy mô toàn thế giới, sức ép của quá trình toàn cầu hoá đã khiến cho tất cả các quốc gia trong khu vực đều hiểu rằng *“Nếu hành động đơn lẻ thì không nước Đông Nam Á nào có thể bảo vệ được mình”* (3). Tất cả đều nhận thức được tầm quan trọng của các mối liên kết toàn diện, đa phương và phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế và an ninh ngày càng tăng bất chấp những khác biệt về chế độ chính trị. Đây là nét mới về chất trong quan hệ quốc tế khu vực.

Rõ ràng là, tình hình Đông Nam Á sau chiến tranh lạnh đã phát triển theo hướng tích cực hơn. Xu hướng tìm kiếm hợp tác giữa các quốc gia nhằm tạo những tiền đề thuận lợi để tiếp tục duy trì sự bền vững trở thành xu hướng chủ đạo. Vai trò của tổ chức ASEAN ngày càng quan trọng trong khi cơ cấu tổ chức và định hướng của nó phát triển theo xu thế biến Đông Nam Á thành khu vực phát triển hoà bình, hữu nghị và hợp tác, theo đó ASEAN cần phải được mở rộng trên quy mô toàn khu vực.

Tuy nhiên nhất thể hoá khu vực, ASEAN sẽ phải đối mặt với thách thức to lớn trong vận hành và liên kết Hiệp hội trước những khác biệt về hệ tư tưởng, chế độ chính trị, trình độ phát triển kinh tế của các quốc gia vốn nằm ở hai cực chiến tranh lạnh.

Nếu 1967 sự ra đời của ASEAN chứng tỏ *“lần đầu tiên các nước Đông Nam Á đã đi tới một điểm cơ bản của việc loại trừ thói quen xấu là đi riêng rẽ với nhau, theo những hướng khác nhau, đôi khi đối lập nhau, khiến họ quay lưng với nhau”* (4), chứng tỏ *“Đã có một sự đoàn kết khu vực*

bất kể những khác biệt nảy sinh từ lợi ích dân tộc (5) thì việc mở rộng ASEAN trong thập niên 90 là bước ngoặt to lớn của hợp tác khu vực, đòi hỏi các quốc gia Đông Nam Á phải có những cố gắng vượt bậc mới có thể đưa hợp tác khu vực phát triển sang giai đoạn mới.

Trong bước phát triển đó, Việt Nam từ nhiều hệ quả của lịch sử đã trở thành tâm điểm của những nỗ lực đổi mới vượt lên chính mình. Việt Nam chủ động rút quân tình nguyện tại Campuchia, tích cực đổi mới tư duy để thoát khỏi ảnh hưởng của quá khứ chiến tranh lạnh. Việt Nam chủ trương thực hiện chính sách đối ngoại mở rộng, đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ đối ngoại cả về chính trị, văn hoá, khoa học kỹ thuật, kinh tế, xã hội, v.v.. với tất cả các nước, trong đó đặc biệt là các nước trong khu vực Đông Nam Á

“Môi trường quốc tế khu vực thay đổi, vận động nội tại của Đông Nam Á trong đó có quan hệ Việt Nam - ASEAN thay đổi. Tất cả những điều này đòi hỏi những phương pháp tiếp cận hoàn toàn mới để xây dựng Đông Nam Á từng bị phân chia theo sự kình địch về ý thức hệ thành Đông Nam Á của một cộng đồng đa dạng liên kết với nhau bởi những mối quan hệ an ninh và thịnh vượng chung vì sự tiến bộ và phát triển (6)

Những đổi mới có tính chất đột phá trong đường lối đối ngoại của Việt Nam đã góp phần quan trọng cải thiện tình hình, nhờ đó tiến độ hội nhập vào khu vực của Việt Nam trở nên nhanh chóng và vững chắc. Kết quả 28/7/1995 Việt Nam chính thức gia nhập vào ngôi nhà chung của Hiệp hội liên kết khu vực Đông Nam Á.

Việc Việt Nam gia nhập ASEAN đã đánh dấu chấm dứt sự đối đầu giữa hai khối ASEAN và Đông dương hình thành dưới thời chiến tranh lạnh, mở ra một bước ngoặt trong lịch sử phát triển hợp tác khu vực ở Đông Nam Á. Sự tham gia của Việt Nam vào ASEAN đã mở đầu cho quá trình tham gia hợp tác khu vực của tất cả các quốc gia còn lại, biến ước mơ nhất thể hoá khu vực của ASEAN được đề cập trong “*Tuyên bố Băng Cốc*” năm 1967 thành hiện thực. Hợp tác khu vực của ASEAN nhờ đó đã bước lên bình diện mới để đối phó một cách hiệu quả với những biến động đầy phức tạp của thế giới thời kỳ hậu chiến tranh lạnh. Việc Việt Nam gia nhập ASEAN cũng đánh dấu thắng lợi cho chặng đường trở lại cội nguồn Đông Nam Á của Việt Nam.

4- Việt Nam vốn sinh ra từ cội nguồn Đông Nam Á rồi bị tách ra sáp nhập vào thế giới văn minh Trung Hoa trong hàng ngàn năm. Đến thời kỳ cận đại sự cai trị của thực dân Pháp trong liên bang Đông dương đã khách quan khiến Việt Nam tăng cường mối liên hệ với Campuchia, Lào là những quốc gia Đông Nam Á truyền thống. Trong thời gian này Việt Nam đã hướng trở lại Đông Nam Á trong ý thức cùng đoàn kết để chống lại thực dân giành độc lập. Tuy nhiên, sự trở lại đích thực với Đông Nam Á của Việt Nam chính là từ sau khi Việt Nam gia nhập ASEAN. Chặng đường trở về Đông Nam Á của Việt Nam, chặng đường tìm cho mình một khu vực thích hợp là

một chặng đường thẳng trảm phải vượt qua nhiều trở ngại, khó khăn và thách thức. Sẽ không thể hiểu được một Việt Nam hội nhập khu vực năng động mạnh mẽ hôm nay nếu không hiểu được những bài học sâu sắc trong chặng đường trở về đầy cam go mà Việt Nam đã đi trước khi bước vào ASEAN.

Trước hết, đó là bài học của tính kiên định vì một Đông Nam Á độc lập, tự chủ, hoà bình và ổn định.

Mục tiêu cũng như nền tảng cho sự ra đời và tồn tại của tổ chức ASEAN là nhằm tạo ra và gìn giữ một Đông Nam Á độc lập, tự chủ, hoà bình để các quốc gia cùng ổn định cùng phát triển.

Nhưng có thể có được một Đông Nam Á như thế hay không khi mà do nhiều nguyên nhân khu vực này đã bị biến thành đấu trường từ sau đại chiến II? Các thế lực đế quốc từ bên ngoài có tự nguyện rời khỏi Đông Nam Á để trả lại cho Đông Nam Á tư thế độc lập tự chủ của một ASEAN mới như ngày nay không?

Có thể khẳng định rằng không thể có điều đó nếu không có thắng lợi của cuộc đấu tranh quyết liệt của các dân tộc Đông Nam Á chống lại sự xâm lược, sự thống trị, sự khống chế của chủ nghĩa đế quốc thực dân và các thế lực phản động từ bên ngoài vào khu vực. Trong đó thắng lợi của nhân dân Đông dương, đặc biệt là thắng lợi trọn vẹn trong cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân Việt Nam là đòn quyết định đẩy lùi sự can thiệp của các cường quốc nước ngoài đứng đầu là Mỹ vào khu vực Đông Nam Á. Quan trọng hơn, chiến thắng của Việt Nam đã chứng minh hùng hồn rằng *sự can thiệp quân sự của một nước siêu cường đối với một nước nhỏ nếu gặp sự chống trả quyết liệt sẽ có thể bị hạn chế và không phát huy tác dụng. Điều đó chứng tỏ vận mệnh của một quốc gia hay một khu vực không phải nhất định bị quyết định bởi ý muốn của các siêu cường bên ngoài mà phụ thuộc chủ yếu vào ý chí của quốc gia, khu vực đó.*

Bài học lịch sử này là hành trang quý giá để Việt Nam khi gia nhập đã thổi vào ASEAN một tinh thần độc lập tự chủ kiên cường trước những sức ép của nhiều thế lực trong một bối cảnh phức tạp và đầy biến động của thế giới hiện nay. Việt Nam đã tích cực và chủ động đóng góp nội dung cho “*Tuyên bố Bali II*” và “*Dự thảo Cộng đồng ASEAN*” nhằm hình thành Tuyên bố và kế hoạch hành động của Cộng đồng An ninh ASEAN (ASC). Việt Nam đã vận động các quốc gia Đông Nam Á đề cao chủ quyền quốc gia, đưa vào văn kiện ASC những cụm từ hoặc những tuyên bố mạnh mẽ như “*Các nước ASEAN không để lãnh thổ của mình được phép sử dụng vào mục đích chống phá các nước khác, cũng không cho phép can thiệp quân sự từ bên ngoài vào dưới bất kỳ hình thức và biểu hiện nào*”. Đó có thể xem là một trong những tuyên bố mạnh mẽ nhất của ASEAN hiện nay về chính trị và an ninh. Điều đó có thể hiểu được vì ASEAN hôm nay là một ASEAN có Việt Nam thắng Mỹ.

Sự tham gia một cách có hiệu quả của Việt Nam trong ASEAN đã góp phần quan trọng cho việc mở rộng hợp tác của ASEAN với các đối tác bên ngoài nhất là các đối tác và láng giềng của Việt Nam.

Sự cải thiện nhanh chóng quan hệ Việt - Trung, vị thế địa chiến lược và sự phát triển năng động của Việt Nam đã giúp Việt Nam thực sự đóng góp một phần quan trọng vào việc tăng cường mối quan hệ hợp tác, tăng cường hiểu biết giữa Trung Quốc và ASEAN. Cùng với sự lớn mạnh của ASEAN, Việt Nam đóng góp vai trò không nhỏ vào thế cân bằng chiến lược và ảnh hưởng giữa các nước lớn đặc biệt là cân bằng chiến lược Mỹ - Trung - một vấn đề lớn có ý nghĩa trong việc duy trì hoà bình, ổn định và hợp tác ở Đông Nam Á.

Việt Nam cũng góp phần to lớn vào việc mở rộng quan hệ ngoại giao giữa ASEAN và Liên bang Nga, ASEAN và Ấn Độ, ASEAN và EU, tổ chức nhiều diễn đàn hợp tác lớn như ASEM (2004), APEC (2006), v.v.. *Như vậy là tính kiên định đấu tranh vì một Đông Nam Á độc lập tự chủ hoà bình và ổn định của một Việt Nam trong cuộc chiến tranh chống Mỹ đầy máu lửa và hy sinh hôm qua là nền tảng để có được một Việt Nam mạnh mẽ năng động trong ASEAN trời dậy hôm nay.*

Thứ hai đó là bài học về hội nhập từ khác biệt.

Trong mảng màu đa sắc của các thành viên ASEAN thì Việt Nam là hiện tượng khá nổi bật về sự khác biệt. Những gai góc thách đố của việc mở rộng từ ASEAN 6 đến ASEAN 10 nằm trong những khác biệt về chế độ chính trị, về hệ tư tưởng, về sự chênh lệch trình độ phát triển kinh tế, v.v.. đều có liên quan hoặc tập trung ở sự khác biệt của Việt Nam với ASEAN. Nói khác đi, nếu hành trang của các quốc gia Đông Nam Á mang tới ngôi nhà ASEAN là rất đa dạng thì hành trang của Việt Nam là tiêu biểu cho sự đa dạng đó. Do vậy để đến được với ASEAN, Việt Nam đã phải vượt lên chính mình bằng những đổi mới đột phá và đặc biệt đã luôn phát huy tinh thần sáng tạo để quá trình hội nhập từ khác biệt của mình đảm bảo vừa không đánh mất bản thân vừa làm mạnh thêm cho một ASEAN đa dạng.

Việt Nam cùng với các nước ASEAN đã đề ra nhiều sáng kiến mới như “*Chương trình hành động Hà Nội*” với những định hướng và giải pháp cho việc hiện thực hoá “*Tầm nhìn 2020*”. Việt Nam có nhiều đóng góp về mặt ý tưởng và đề ra biện pháp nhằm thu hẹp khoảng cách phát triển vùng thể hiện trong “*Tuyên bố Hà Nội*” năm 1998 “*Tuyên bố Hà Nội về thu hẹp khoảng cách phát triển, nhằm tăng cường liên kết ASEAN*” năm 2001, v.v.. Ngoài ra Việt Nam còn đề xuất ý tưởng về “*Cộng đồng văn hoá xã hội*” một trong 3 trụ cột chính xây dựng cộng đồng ASEAN.

Quan trọng nhất là Việt Nam đã từ nền kinh tế theo cơ cấu tập trung quan liêu bao cấp chuyển sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Sự chuyển đổi này nhằm đưa kinh tế Việt Nam vào quỹ đạo hội nhập khu vực và quốc tế.

Sự hội nhập mạnh mẽ từ sự khác biệt của Việt Nam và các thành viên mới của ASEAN đã góp phần quan trọng tạo nên sự chuyển biến về chất trong nội dung hợp tác khu vực ở Đông Nam Á. Từ một hợp tác có tính chất *đóng cửa* thành một hợp tác có tính chất *mở cửa*. Từ hợp tác bởi các mục tiêu chính trị sang hợp tác do thị trường thúc đẩy, từ hợp tác giữa các nền kinh tế có trình độ phát triển tương tự nhau sang hợp tác giữa các nền kinh tế có trình độ phát triển chênh lệch nhau, từ hợp tác hướng vào bên trong và chia sẻ thị trường sang hợp tác hướng ra bên ngoài và góp chung nguồn lực, v.v.. Bước chuyển biến này là kết quả của quá trình liên tục đổi mới của tất cả các quốc gia trong ASEAN trong đó có thể coi Việt Nam là một thí dụ điển hình.

Chặng đường 10 năm là một chặng đường rất ngắn, rất mới trong sự hội nhập của Việt Nam vào ASEAN. Những thành tựu đạt được trong bước đường hội nhập ấy là rất cơ bản và đáng kể nhưng những thách thức và khó khăn trong chặng đường sắp tới cũng rất to lớn và phức tạp. Tuy vậy chúng ta có thể khẳng định rằng có thể học được nhiều bài học bổ ích trong chặng đường lịch sử hội nhập vào ASEAN đã qua của Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. G.C. HiaRinh, *Tài liệu lâu năm góc, tập văn kiện về thương lượng phần Ngoại giao bí mật trong chiến tranh Việt Nam*, Phòng báo chí trường Đại học Texas, trang 16-23, (1983).
- [2]. Dẫn theo Autara News Bulletin, March 23, (1967).
- [3]. Thủ tướng Mahathia Mohamat đọc tại Hội nghị các bộ trưởng kinh tế ASEAN họp tại KuahLumpua ngày 14-1-1982, *Statements by ASEAN heads of Gouvernments at ASEAN economic ministers meetings 1975- 1985*, ASEAN secretariat, Jakarta-Indonesia, p.53
- [4]. Estrella D.solidum, *Towards a Southeat Asian community*, University of Philippines press Quenzon city, p. 67, (1974).
- [5]. Phanit Thakur, *Regional Intergration attempts in Southeast Asia a study of ASEAN problems and progress*, Universities Microfilms International, p.197, (1980).
- [6]. Phát biểu của Thứ trưởng ngoại giao Nguyễn Dy Niên *Tiến tới một Đông Nam Á trong thế kỷ XXI* Bằng Cốc 22/3/1993 trong cuốn *Hội nhập quốc tế và giữ vững bản sắc*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, trang 147